ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2511/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Biển và hải đảo; Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 779/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 07 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Biển và hải đảo; Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026; Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026, Quyết định 2199/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Biển và hải đảo; Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC(KSTT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

DANH MỤC 06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; 07 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (11 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (05 TTHC)

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
I. Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (03 TTHC)										
1	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh) **1.005400**	**1. Thời hạn giải quyết:** **- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:** **a)** Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	Căn cứ pháp lý	-	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP); **b)** Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp						- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ		

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). **- Thời hạn thẩm định hồ sơ:** không quá 25 ngày kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian lấy ý								

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu								

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. **2. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:** - Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. - Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ								

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		sơ. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.								
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển **1.000969**	**- Thời hạn kiểm tra hồ sơ** **a)** Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	Căn cứ pháp lý	Theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính **1. Mức thu:** 12.500.000 đồng/giấy phép **2. Thời điểm thu phí:** tại thời	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		sơ chưa đúng quy định Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. **b)** Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển ngay cho Sở NNMT. **- Thời hạn thẩm định hồ sơ** **a)** Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. + Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ					điểm nhận kết quả.	Chính phủ - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-		

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ. + Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc. **b)** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày. **c)** Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. **- Thời hạn trình, phê**						CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ		

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		duyệt hồ sơ: **a)** Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ. **b)** Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở NNMT trình UBND tỉnh.								
3	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh **3.000436**	**- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:** trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	Căn cứ pháp lý	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính **1. Mức thu:** - Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học có	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định. **- Thời hạn tiến hành thẩm định:** trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định. **- Thời hạn giải quyết hồ sơ:** trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc					phạm vi ngoài vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam và không sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: **3.700.000 đồng/ lần thẩm định;** - Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học có phạm vi trong vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam và không sử	Chính phủ; - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; - Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ		

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.					dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: **4.000.000 đồng/ lần thẩm định;** - Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: **4.500.000 đồng/ lần thẩm định.** **2. Thời điểm thu**			

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
							phí: tại thời điểm người nộp phí nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ chấp nhận hồ sơ đề nghị cấp phép là đầy đủ.			
II. Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
LĨNH VỰC THỦY SẢN (02 TTHC) – có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 thnasg 7 năm 2026										
4	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản **1.004943**	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	- Thời gian giải quyết TTHC; - Trình tự thực hiện TTHC;	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số	-	x

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.	- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			- Căn cứ pháp lý		146/2025/QH15 - Điều 12, Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Mục III Phần A Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.		
5	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	- Thời gian giải quyết TTHC; - Trình tự thực	-	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15,	-	x

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	sản **1.004683**	ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.	hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý		Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15; - Điều 17, 18 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Mục II Phần A Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.		
Tổng cộng: 05 TTHC										

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (06 TTHC)

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (05 TTHC)					
1	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển **1.004935**	Một phần	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 13/3/2026
2	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển **2.000472**	Một phần	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.	Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 13/3/2026
3	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh **3.000437**	Một phần	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.	Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 13/3/2026
4	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh) **1.000705**	Toàn trình	Cấp tỉnh	Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 28/8/2026
5	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh) **1.005181**	Toàn trình	Cấp tỉnh	Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 28/8/2026
II. Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
LĨNH VỰC THỦY SẢN (01 TTHC) – có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 thnasg 7 năm 2026					
6	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá **1.004697**	Toàn trình	Cấp tỉnh	- Điều 38 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Mục I Phần A Phụ lục III Nghị quyết số 66.19/2026/NQ CP ngày 18 tháng 5 năm	Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 23/5/2026

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				2026 của Chính phủ.	
Tổng cộng: 06 TTHC					

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (01 TTHC)

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (01 TTHC)										
1	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản **3.000442**	**- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ:** Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. **- Thời hạn thẩm định hồ sơ:**	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	Căn cứ pháp lý	-	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;	-	x

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		a) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. **b)** Trường hợp cần thiết lấy ý kiến văn bản có liên quan, thời gian lấy ý kiến: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; **c)** Trường hợp cần thiết thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc; **d)** Thời gian lấy ý kiến và tổ	dụng định danh quốc gia.					- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.		

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		chức kiểm tra thực địa không tính vào thờigian thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp hồ								

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ								

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển -**Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.								
Tổng cộng: 01 TTHC										

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (01 TTHC)

STT	Tên TTHC Mã TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (01 TTHC)					
1	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản **3.000440**	Một phần	Cấp xã	Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.	Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 13/03/2026
Tổng cộng: 01 TTHC					